

Câu 15: Phần lãnh thổ phía Nam có sự phân chia thành mùa mưa và mùa khô rõ rệt từ vĩ độ
A. 18⁰ B trở vào. **B.** 20⁰ B trở vào. **C.** 14⁰ B trở vào. **D.** 16⁰ B trở vào.

Câu 16: Đồng bằng châu thổ là đồng bằng được thành tạo và phát triển do

- A.** vật liệu biển bồi tụ trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- B.** phù sa sông bồi tụ trên vịnh biển nông, thềm lục địa mở rộng.
- C.** phù sa sông bồi tụ trên vịnh biển sâu, thềm lục địa thu hẹp.
- D.** vật liệu biển bồi tụ trên vịnh biển sâu, thềm lục địa thu hẹp.

Câu 17: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, SẢN LƯỢNG NGŨ CỦA MỘT SỐ TỈNH NĂM 2018

Tỉnh	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Hà Nam	Tuyên Quang
Diện tích (Nghìn ha)	16.9	14.3	7.0	17.5
Sản lượng (Nghìn tấn)	83.9	64.7	36.9	77.8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

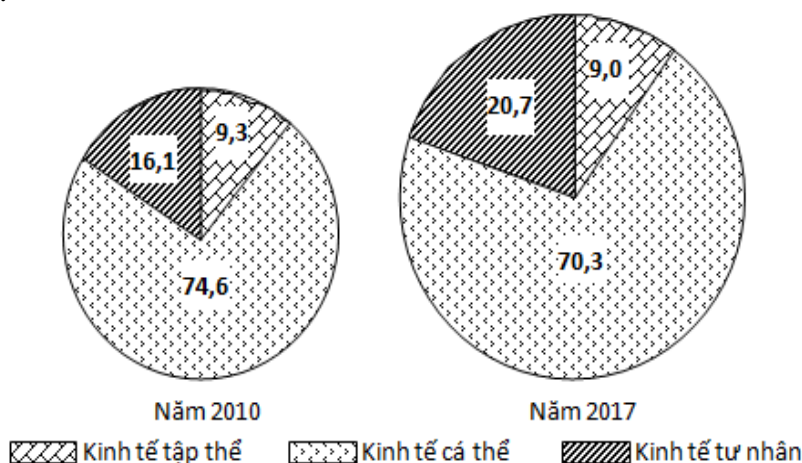
Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây **không** đúng về năng suất ngô một số tỉnh năm 2018?

- A.** Hà Nam cao hơn Tuyên Quang.
- B.** Hà Nội cao hơn Vĩnh Phúc.
- C.** Hà Nam cao hơn Hà Nội.
- D.** Vĩnh Phúc thấp hơn Tuyên Quang.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 16, cho biết các dân tộc thuộc ngữ hệ Nam Đảo phân bố chủ yếu ở vùng nào nước ta?

- A.** Đông Nam Bộ.
- B.** Tây Nguyên.
- C.** Tây Bắc.
- D.** Đông Bắc.

Câu 19: Cho biểu đồ:



CƠ CẤU GDP THÀNH PHẦN KINH TẾ NGOÀI NHÀ NƯỚC CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ 2017 (%)

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sự thay đổi tỉ trọng trong cơ cấu GDP thành phần kinh tế ngoài Nhà nước của nước ta năm 2017 so với năm 2010?

- A.** Kinh tế cá thể giảm, kinh tế tư nhân giảm.
- B.** Kinh tế tư nhân tăng, kinh tế tập thể tăng.
- C.** Kinh tế tập thể giảm, kinh tế cá thể tăng.
- D.** Kinh tế tập thể giảm, kinh tế tư nhân tăng.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 15, cho biết mật độ dân số vùng nào cao nhất?

- A.** Đông Nam Bộ.
- B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
- C.** Đồng bằng sông Hồng.
- D.** Duyên hải miền Trung.

Câu 21: Biểu hiện của tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A.** có hai lần Mặt Trời lên thiên đỉnh.
- B.** nhiệt độ trung bình năm cao.
- C.** góc nhập xạ trong năm lớn.
- D.** nằm trong khu vực nội chí tuyến.

Câu 22: Căn cứ vào Atlas Địa lý Việt Nam trang 6 – 7, cho biết núi Phu Hoat thuộc vùng núi nào sau đây?

- A.** Trường Sơn Nam.
- B.** Đông Bắc.
- C.** Trường Sơn Bắc.
- D.** Tây Bắc.

Câu 23: Yếu tố nào **không** phải là thế mạnh để phát triển công nghiệp của nhiều nước Đông Nam Á?

- A.** Thị trường.
- B.** Tài nguyên thiên nhiên.
- C.** Nguồn lao động.
- D.** Vốn, kĩ thuật.

Câu 24: Nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu ở nước ta là

- A. lượng bức xạ Mặt Trời, hoạt động gió mùa, độ cao địa hình.
- B. vị trí địa lí, độ cao của địa hình, thảm thực vật và gió Phơn.
- C. vị trí địa lí, hình dạng lãnh thổ, hoạt động gió mùa, địa hình.
- D. hướng của các dãy núi, tác động của các cơn bão, dòng biển.

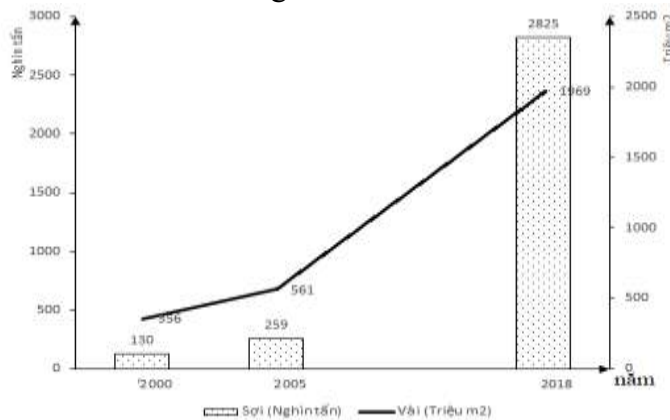
Câu 25: Tài nguyên sinh vật biển nước ta ngày càng suy giảm chủ yếu là do

- A. khai thác quá mức, môi trường biển ngày càng bị suy thoái.
- B. đẩy mạnh đánh bắt xa bờ, thiên tai ngày càng tăng.
- C. phương tiện khai thác lạc hậu, thiên tai ngày càng tăng.
- D. ảnh hưởng của các cơn bão, hoạt động của tàu thuyền nhiều.

Câu 26: Đất ở dải đồng bằng ven biển miền Trung có đất thường nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông là do

- A. vùng tiếp giáp với thềm lục địa thu hẹp.
- B. sự bồi tụ phù sa của các con sông lớn.
- C. kết quả của sự xâm thực mạnh mẽ của vùng đồi núi kề bên.
- D. biển đóng vai trò chủ yếu trong sự hình thành đồng bằng.

Câu 27: Cho biểu đồ về sợi và vải của nước ta giai đoạn 2000 – 2018:



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu sản lượng sợi và vải.
- B. Tốc độ tăng trưởng sản lượng sợi và vải.
- C. Thay đổi cơ cấu sản lượng sợi và vải.
- D. Thay đổi sản lượng sợi và vải.

Câu 28: Các nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho Thừa Thiên Huế có lượng mưa trung bình năm lớn nhất cả nước?

- A. Gió mùa, bão, địa hình, biển, dải hội tụ nhiệt đới và Frông.
- B. Tín phong bán cầu Bắc, gió tây, bão và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. Tín phong Bán cầu Bắc, gió Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, bão.
- D. Gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão, gió đông bắc.

Câu 29: Vấn đề đặt ra cần phải giải quyết để thuận lợi cho thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các quốc gia Đông Nam Á là

- A. cơ sở năng lượng.
- B. thị trường tiêu thụ.
- C. nguồn nguyên liệu.
- D. nguồn lao động.

Câu 30: Thiên nhiên ở phần lãnh thổ phía Bắc nước ta đa dạng hơn phần lãnh thổ phía Nam ở nước ta chủ yếu do

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa, gần chí tuyến Bắc, núi thấp chiếm ưu thế.
- B. gió mùa đông bắc, ảnh hưởng của Biển Đông, gần chí tuyến Bắc.
- C. gió mùa đông bắc, gần chí tuyến Bắc, đầy đủ ba đai cao, xa xích đạo.
- D. khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, đầy đủ ba đai cao.

Câu 31: Ý nghĩa chủ yếu về an ninh quốc phòng khi khai thác phát triển kinh tế - xã hội các đảo và quần đảo là

- A. phát triển tuyến du lịch biển, đảo.
- B. khẳng định chủ quyền vùng biển.
- C. bảo vệ các điểm khai thác dầu mỏ.
- D. khai thác hiệu quả nguồn lợi biển.

Câu 32: Thời tiết lạnh khô xuất hiện vào nửa đầu mùa đông ở miền Bắc nước ta là do

- A. khối khí lạnh phương Bắc di chuyển qua biển.
- B. khối khí đã suy yếu hoàn toàn khi đến nước ta.
- C. khối khí lạnh qua lục địa Trung Hoa rộng lớn.
- D. sự tác động của gió Tây Nam vào đầu mùa hạ.

Câu 33: Những đỉnh núi cao trên 2000m ở vùng núi Đông Bắc nằm ở

- A. Giáp biên giới Việt – Trung.
- B. trung tâm của vùng.
- C. vùng Thượng nguồn sông Chảy.
- D. trên dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 34: Thiên nhiên giữa Đông Trường Sơn và Tây Nguyên có sự khác nhau cơ bản chủ yếu là do

- A. gió mùa với độ cao của dãy Trường Sơn.
- B. gió mùa với hướng của dãy núi Trường Sơn.
- C. Tín phong bán cầu Bắc và hướng của dãy Bạch Mã.
- D. Tín phong bắc bán cầu và dãy Bạch Mã.

Câu 35: Các nhân tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển của gió phơn Tây Nam ở nước ta là

- A. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình và mặt đệm.
- B. dải hội tụ nhiệt đới, áp thấp Bắc Bộ, địa hình và mặt đệm.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, gió Tây, áp thấp Bắc Bộ, địa hình và mặt đệm.
- D. khối khí chí tuyến vịnh Bengan, áp thấp Bắc Bộ, địa hình và mặt đệm.

Câu 36: Ý nào sau đây **không** phải là nguyên nhân để nước ta phải khai thác tổng hợp các tài nguyên vùng biển và hải đảo?

- A. Sinh vật biển bị suy giảm nghiêm trọng.
- B. Môi trường đảo mang tính biệt lập.
- C. Môi trường biển là không chia cắt được.
- D. Hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.

Câu 37: Ở nước ta, đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi ở miền Bắc hạ thấp hơn miền Nam chủ yếu do

- A. địa hình chủ yếu là đồi núi có cả núi trung bình, núi cao.
- B. nằm ở nội chí tuyến, có các cánh cung hút gió mùa đông.
- C. nằm ở vĩ độ cao hơn và tác động của gió lạnh mùa đông.
- D. thời tiết nửa đầu mùa đông lạnh khô và nửa sau lạnh ẩm.

Câu 38: Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2018

Năm	Tổng sản lượng (nghìn tấn)	Sản lượng nuôi trồng (nghìn tấn)
2010	5 143	2 728
2013	6 020	3 216
2014	6 333	3 413
2018	6 582	3 532

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu sản lượng thủy sản phân theo nuôi trồng và đánh bắt của nước ta giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền.
- B. Kết hợp.
- C. Đường.
- D. Tròn.

Câu 39: Nguyên nhân chủ yếu nào gây ra mưa vào mùa hạ ở nước ta (trừ Trung Bộ) là do hoạt động của

- A. gió mùa Tây Nam và Tín phong.
- B. Tín phong và dải hội tụ nhiệt đới.
- C. gió mùa Tây Nam và gió mùa Đông Bắc
- D. gió mùa Tây Nam và dải hội tụ nhiệt đới.

Câu 40: Vào thời kì gần giữa tháng 1 năm 2021, nhiều đỉnh núi phía Bắc của nước ta xuất hiện băng giá, nhiệt độ xuống dưới 0^oC là do ảnh hưởng của

- A. gió mùa Đông Bắc hoạt động mạnh nhất.
- B. gió mùa Đông Bắc và độ cao địa hình.
- C. gió mùa Đông Bắc và hướng các dãy núi.
- D. gió mùa Đông Bắc và vĩ độ gần cực Bắc nước ta.

----- HẾT -----